

Bản án số: 42/2019/DSST

Ngày: 10/4/2019

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLDS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quý Tín dụng nhân dân V .

Trụ sở: khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Bé N – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Lê M – Chức vụ: Phó Giám đốc Quý tín dụng nhân dân V (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018).
(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Duy P, sinh năm 1987; địa chỉ ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 của nguyên đơn là Quý Tín dụng nhân dân V, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng nhưng tại

phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Lê M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/12/2016, ông Trần Duy P có ký kết với Quỹ Tín dụng nhân dân V (gọi tắt là Quỹ Tín dụng) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 1-0000618, để vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng; thời hạn vay 180 ngày, hình thức thanh toán là trả hàng ngày; lãi suất trong hạn 2,7%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn; tài sản thế chấp là xe mô tô biển số 64B1-704.23 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1018/2016/CVTCX, ngày 02/12/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông P đã thanh toán cho Quỹ Tín dụng được số tiền vốn và lãi bằng 9.796.600đ, sau đó không thanh toán tiếp. Quỹ Tín dụng đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán nhưng ông P vẫn cố tình không thanh toán. Tính đến ngày hôm nay ông P còn nợ tiền vốn gốc là 6.566.900đ và tiền lãi 6.803.333đ, tổng cộng bằng 13.370.233đ. Xét thấy, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Quỹ Tín dụng, để đảm bảo quyền lợi của Quỹ Tín dụng, cho nên Quỹ Tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P trả số tiền 13.370.233đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng; trường hợp ông P không khả năng thanh toán thì được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn Trần Duy P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông P không có bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên và bị đơn ký kết và thực hiện hợp đồng tại thành phố V; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại tiền vốn vay và tiền lãi, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự "*Hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng nhân dân V, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 1-0000618, ngày 02/12/2016, do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Trần Duy P có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn, số tiền vốn vay là 15.000.000đ là có thật. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Trong quá trình giải quyết ông P không có ý kiến phản đối, nên Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật.

[3] Xét thấy, giữa ông Trần Duy P và Quỹ Tín dụng ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội,

nên có giá trị thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông P đã thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán, đã thanh toán được 8.433.100đ tiền vốn và 1.363.500đ tiền lãi; sau đó không thanh toán. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông P còn nợ số tiền vốn 6.566.900đ và tiền lãi 6.803.333đ. Xét việc ông P không thanh toán tiền vốn, lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, cho nên, ông M đại diện hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ Tín dụng số tiền vốn và lãi bằng 13.370.233đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1018/2016/CVTCX, ngày 02/12/2016 đã được nguyên và bị đơn thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức, xã hội; được lập thành văn bản là phù hợp về mặt hình thức theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm nhưng ông P thực hiện không đúng nghĩa vụ cho nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cho nên ông P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 669.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng **khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự;**

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng nhân dân V, có ông Bùi Lê M làm đại diện.

Buộc ông Trần Duy P trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân V số tiền vốn vay 6.566.900đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm đồng) và tiền lãi bằng 6.803.333đ (Sáu triệu tám trăm lẻ ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng làm tròn bằng 13.370.000đ (Mười ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trường hợp ông Trần Duy P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Quỹ Tín dụng nhân dân V thì Quỹ Tín dụng nhân dân V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Xe mô tô biển kiểm soát 64B1-704.23, hiệu Honda, số máy 100ME8068946, số khung

C100M8068946 do ông P làm chủ sở hữu (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1018/2016/VCTCX, ngày 02/12/2016).

2. Về án phí:

Buộc ông Trần Duy P chịu 669.000đ (Sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ Tín dụng nhân dân V được nhận lại số tiền 412.000đ (Bốn trăm mười hai ngàn đồng) đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004110, ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/4/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ Tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ Tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ Tín dụng cho vay).

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Tấn Thành